

Số 3350/NHCS-TDNN

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2014

HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN CHO VAY ƯU ĐÃI LÃI SUẤT ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO
TẠI CÁC HUYỆN NGHÈO
Theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-NHNN ngày 01/10/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 09/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ,

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện việc cho vay vốn đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ như sau:

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Là hộ nghèo thuộc diện được vay vốn theo quy định hiện hành tại NHCSXH thuộc địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ (các huyện nghèo thuộc các tỉnh có tên trong Danh sách đính kèm).

2. Điều kiện áp dụng chính sách cho vay ưu đãi lãi suất

a) Là hộ gia đình nghèo đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc 61 huyện nghèo và phải có trong Danh sách hộ nghèo được Chủ tịch UBND cấp xã quyết định theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội công bố, được Tổ Tiết kiệm và vay vốn bình xét lập danh sách có xác nhận của UBND cấp xã.

b) Chủ hộ (hoặc người đại diện hộ gia đình) có năng lực hành vi dân sự đầy đủ là người đại diện cho hộ gia đình trong quan hệ tín dụng với Ngân hàng.

3. Mức cho vay và lãi suất cho vay

Hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo được vay vốn tại NHCSXH theo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với

người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản liên quan khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành.

Ngoài ra, hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo còn được vay ưu đãi lãi suất tại NHCSXH để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề với mức cho vay và lãi suất cho vay như sau:

a) Mức cho vay tối đa là 10 triệu đồng/hộ, hộ nghèo có thể vay một hoặc nhiều lần nhưng tổng doanh số các lần vay cộng lại không quá 10 triệu đồng.

b) Lãi suất vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo trong từng thời kỳ (hiện nay, lãi suất cho vay hộ nghèo là 0,60%/tháng;

c) Thời gian áp dụng mức lãi suất theo quy định tại điểm b khoản 1 này tối đa là 03 năm kể từ thời điểm hộ nghèo bắt đầu nhận vốn vay.

Trường hợp hộ nghèo đã vay vốn chương trình cho vay hộ nghèo theo văn bản số 316/NHCS-KH ngày 02/5/2003 và đang có dư nợ, nếu tiếp tục có nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề thì tiếp tục được vay thêm tối đa 10 triệu đồng, với lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo trong thời gian tối đa là 3 năm theo hướng dẫn tại điểm a, b, c của khoản 3 này nhưng tổng dư nợ cả cũ và mới không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định từng thời kỳ của chương trình cho vay hộ nghèo (Hiện nay, mức cho vay tối đa của chương trình cho vay hộ nghèo là 50 triệu đồng/hộ).

Trường hợp hộ nghèo có nhu cầu vay vốn mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề trên 10 triệu đồng và thời gian vay vốn trên 03 năm thì số tiền vay trên 10 triệu đồng và thời hạn vay vốn trên 3 năm được áp dụng lãi suất cho vay hộ nghèo và các quy định về cho vay hộ nghèo hiện hành.

4. Những nội dung khác về: Thời hạn cho vay, phương thức cho vay, điều kiện cho vay, thủ tục và quy trình cho vay, định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi, gia hạn nợ, xử lý nợ bị rui ro, kiểm tra, đối chiếu nợ,... được thực hiện như cho vay vốn đối với hộ nghèo theo quy định hiện hành.

5. Ghi chép, theo dõi trên Sổ vay vốn

- Đối với Sổ vay vốn (Sổ khách hàng lưu giữ): được ghi và theo dõi chung trong chương trình cho vay hộ nghèo.

- Đối với Sổ lưu tờ rời (Sổ Ngân hàng lưu): được lập Sổ lưu tờ rời riêng để ghi và theo dõi Cho vay - thu nợ - dư nợ của khoản cho vay theo văn bản này.

6. Hướng dẫn chuyển tiếp

a) Đối với hộ nghèo đã vay vốn theo văn bản số 1520/NHCS-TDNN ngày 15/6/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc “Hướng dẫn thực hiện cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại 61 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ” mà phát sinh trước ngày 14/3/2014 và đang còn dư nợ thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 9/4/2009 của Ngân hàng Nhà nước tại thời

điểm ký kết hợp đồng. Việc vay vốn ưu đãi theo quy định tại Quyết định số 2621/QĐ-TTg và Thông tư này được thực hiện sau khi hết hạn vay vốn và hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng trên.

b) Đối với các khoản vay theo đúng hướng dẫn tại văn bản số 623/NHCS-TDNN ngày 14/3/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc cho vay vốn đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, phát sinh đến ngày 01/10/2014 và đang còn dư nợ thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký.

7. Chi trả phí dịch vụ uỷ thác và hoa hồng

Phí dịch vụ uỷ thác trả cho các tổ chức chính trị - xã hội và hoa hồng trả cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn được thực hiện giống như chương trình cho vay hộ nghèo hiện hành.

8. Tổ chức thực hiện

a) Báo cáo thống kê

- Toàn bộ kết quả về cho vay, thu nợ, dư nợ của chương trình cho vay hộ nghèo tại các huyện nghèo theo hướng dẫn tại văn bản này được tổng hợp chung trong báo cáo cho vay hộ nghèo hiện hành (mẫu số 02.1/BCTD).

- Ngoài ra, để có số liệu báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành liên quan về kết quả cho vay hộ nghèo theo Nghị quyết 30a, định kỳ vào ngày 07 hàng tháng, NHCSXH lập báo cáo theo mẫu 02 đính kèm để theo dõi tất cả các khoản vay từ khi thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP trở đi. Việc lập báo cáo, thống kê hàng tháng được thực hiện theo Quyết định số 1466/QĐ-NHCS ngày 17/6/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc báo cáo, thống kê áp dụng trong hệ thống NHCSXH.

Lưu ý, chỉ tiêu nợ xấu trong báo cáo mẫu 02 này bao gồm nợ quá hạn và nợ khoan nhượng của những khoản nợ cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP được Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn tại văn bản 1520/NHCS-TDNN ngày 15/6/2009, văn bản 623/NHCS-TDNN ngày 14/3/2014 và văn bản này.

b) Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh, huyện có trách nhiệm báo cáo UBND các cấp, Ban đại diện HĐQT NHCSXH cùng cấp để chỉ đạo phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương để triển khai thực hiện chính sách này.

c) NHCSXH phối hợp với các địa phương tổ chức công khai chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 tại UBND cấp xã, phối hợp với các cơ quan có liên quan để tuyên truyền chính sách này đến các đối tượng thụ hưởng và thực hiện việc cho vay ưu đãi theo hướng dẫn của Tổng Giám đốc tại văn bản này.

Trường hợp phát hiện khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích thì NHCSXH địa phương phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và UBND các cấp để thu hồi số tiền sử dụng sai mục đích.

d) Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các văn bản: văn bản số 1520/NHCS-TDNN ngày 15/6/2009 về việc Hướng dẫn thực hiện cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại 61 huyện nghèo theo Nghị quyết số

30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ, văn bản số 623/NHCS-TDNN ngày 14/3/2014 về việc cho vay vốn đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và văn bản số 1224/NHCS-TDNN ngày 12/5/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc cho vay vốn đối với hộ nghèo tại huyện nghèo theo Quyết định số 2621/QĐ-TTg.

Yêu cầu chi nhánh NHCSXH các tỉnh có huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc, báo cáo Tổng Giám đốc (thông qua Ban Tín dụng người nghèo) để xem xét, giải quyết. /*HL*

(Gửi kèm Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 28/2014/TT-NHNN ngày 01/10/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Danh sách các huyện nghèo).

Nơi nhận:

- NHNN Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT, các t/viên HĐQT, các t/viên Ban chuyên gia tư vấn HĐQT; } để báo cáo
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, TP có huyện nghèo;
- 04 TC CT-XH nhận uỷ thác (để phối hợp thực hiện);
- Tổng Giám đốc, Trưởng BKS;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Các phòng, ban tại HSC; } để thực hiện
- TTĐT, TT CNTT;
- 20 CN NHCSXH tỉnh theo danh sách đính kèm;
- Lưu VT, PC, TDNN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lý

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Mẫu 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY ƯU ĐÃI LÃI SUẤT ĐÓI VỚI CÁC HUYỆN NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 30a/NQ-CP

VÀ THÔNG TƯ SỐ: 06/2009/TT-NHNN

Tháng năm

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Doanh số phát sinh		Dư nợ		Số lượng khách hàng vay được			Lấy kể từ đầu năm
		Cho vay	Thu nợ	Tổng số	Trong đó, Nợ xấu	Lượt khách hàng vay	Số khách hàng còn dư nợ	Số khách hàng vay	
I	Tỉnh A... (bao gồm:... Huyện nghèo)								
1	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất mua giống trong chăn nuôi, trong đó:								
	Mua giống gia súc (trâu, bò, dê)								
	Mua giống gia cầm chăn nuôi tập trung								
	Mua giống thủy sản								
2	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp								
II	Tỉnh B... (bao gồm:... Huyện nghèo)								
1	Tổng số các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất mua giống trong chăn nuôi, trong đó:								
	Mua giống gia súc (trâu, bò, dê)								
	Mua giống gia cầm chăn nuôi tập trung								
	Mua giống thủy sản								
2	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp								
III	Tỉnh								
	Tổng cộng (I+II+III...)								

Lập biểu
(Ghi rõ họ, tên)

Kiểm soát
(Ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

- Hình thức báo cáo: - Bằng văn bản hoặc gửi thư điện tử
- Đơn vị nhận báo cáo: - Vụ Tín dụng (Email: phongtd@sbv.gov.vn, Fax: 04.38256626/04.38248800) – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Thời hạn gửi báo cáo: - Trước ngày 10 của tháng kế tiếp
- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người thực hiện báo cáo.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04.38250607/04.39349428.

DANH SÁCH CÁC HUYỆN NGHÈO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30a/2008/NQ-CP NGÀY 27/12/2008 CỦA
CHÍNH PHỦ

(Kèm theo văn bản số 3350/NHCS-TDNN ngày 02/10/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc Hướng dẫn thực hiện cho vay ưu đãi lãi suất đối với hộ nghèo tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ)

I. Danh sách 62 huyện nghèo ban hành kèm công văn số 705/TTg-KGVX ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ:

1. Tỉnh Hà Giang, gồm 6 huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Quán Bạ, Yên Minh, Xín Mần và Hoàng Su Phì.
2. Tỉnh Cao Bằng, gồm 5 huyện: Thông Nông, Bảo Lâm, Hà Quảng, Bảo Lạc và Hạ Lang.
3. Tỉnh Lào Cai, gồm 3 huyện: Si Ma Cai, Mường Khương và Bắc Hà.
4. Tỉnh Yên Bái, gồm 2 huyện: Mù Cang Chải và Trạm Tấu.
5. Tỉnh Phú Thọ, gồm 1 huyện: Tân Sơn.
6. Tỉnh Bắc Giang, gồm 1 huyện: Sơn Động.
7. Tỉnh Bắc Kạn, gồm 2 huyện: Ba Bể và Pác Nặm.
8. Tỉnh Điện Biên, gồm 4 huyện: Mường Ảng, Tủa Chùa, Mường Nhé và Điện Biên Đông.
9. Tỉnh Lai Châu, gồm 5 huyện: Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, Than Uyên và Tân Yên (tách ra từ huyện Than Uyên theo Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ).
10. Tỉnh Sơn La, gồm 5 huyện: Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Quỳnh Nhai và Sốp Cộp.
11. Tỉnh Thanh Hoá, gồm 7 huyện: Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân, Quan Hoá, Bá Thước, Mường Lát và Quan Sơn.
12. Tỉnh Nghệ An, gồm 3 huyện: Quế Phong, Tương Dương và Kỳ Sơn.
13. Tỉnh Quảng Bình, gồm 1 huyện: Minh Hoá.
14. Tỉnh Quảng Trị, gồm 1 huyện: Đa Krông.
15. Tỉnh Quảng Nam, gồm 3 huyện: Nam Trà My, Tây Giang và Phước Sơn.
16. Tỉnh Quảng Ngãi, gồm 6 huyện: Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tây Trà và Ba Tơ.
17. Tỉnh Bình Định, gồm 3 huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh.
18. Tỉnh Ninh Thuận, gồm 1 huyện: Bác Ái.
19. Tỉnh Lâm Đồng, gồm 1 huyện: Đam Rông.
20. Tỉnh Kon Tum, gồm 2 huyện: Kon Plong và Tu Mơ Rông.

II. Danh sách 02 huyện nghèo được bổ sung theo Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

1. Tỉnh Lai Châu, gồm 1 huyện: Nậm Nhùn.
2. Tỉnh Điện Biên, gồm 1 huyện: Nậm Pồ

Tổng số: 64 huyện nghèo thuộc 20 tỉnh 

TTBT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2621/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số:.....5.....
Ngày:..03/01..

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo như sau:

1. Hỗ trợ bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông lâm kết hợp

a) Hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên (có trữ lượng giàu, trung bình nhưng đóng cửa rừng) được hưởng mức khoán bằng 1,5 lần mức khoán quy định tại Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020;

b) Những diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch rừng phòng hộ đã giao ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nếu tự nguyện tham gia trồng rừng được hỗ trợ tối đa bằng mức quy định tại Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, để trồng rừng, chăm sóc rừng trồng các năm tiếp theo và được hưởng lợi từ rừng theo quy định hiện hành. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

c) Hỗ trợ một lần hộ gia đình được giao đất trồng rừng sản xuất từ 05 - 10 triệu đồng/ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công trồng rừng. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

2. Hỗ trợ khai hoang, phục hoá hoặc tạo ruộng bậc thang để sản xuất nông nghiệp theo mức: 15 triệu đồng/ha khai hoang, 10 triệu đồng/ha phục hoá, 15 triệu đồng/ha cải tạo thành ruộng bậc thang.

3. Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch

Hộ nông dân tham gia dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy hoạch sản xuất được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ một lần tiền mua giống và hỗ trợ ba năm tiền mua phân bón để chuyển từ trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm (chè, cà phê, ca cao, hồ tiêu, điều, cao su, cây ăn quả...); cây nguyên liệu sinh học;

b) Hỗ trợ tiền mua giống và phân bón cho ba vụ sản xuất liên tiếp để chuyển đổi cơ cấu giống đối với cây ngắn ngày, bao gồm: Cây lương thực, cây thực phẩm, cây hoa các loại;

c) Hỗ trợ từ một đến hai lần tiền mua giống gia cầm hoặc một lần tiền mua giống gia súc. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

d) Đối với hộ nghèo ngoài được hưởng các chính sách nêu trên còn được hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần với mức 1,5 triệu đồng/hộ để cải tạo ao nuôi thủy sản có diện tích ao từ 100 m² trở lên;

- Hỗ trợ một lần với mức 02 triệu đồng/hộ để làm chuồng trại chăn nuôi;

- Hỗ trợ một lần cho hộ để mua giống cỏ trồng phát triển chăn nuôi trâu, bò. Mức hỗ trợ là 04 triệu đồng/ha đất trồng cỏ;

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ưu đãi bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo để mua giống gia súc, gia cầm thủy sản hoặc phát triển ngành nghề. Mức vay được hỗ trợ tối đa là 10 triệu đồng/hộ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là 3 năm.

4. Hỗ trợ tiêm phòng gia súc, gia cầm

Hộ nông dân trực tiếp chăn nuôi được hỗ trợ 100% tiền vắc xin và chi phí bảo quản vắc xin để tiêm phòng đối với các bệnh nguy hiểm: Lở mồm long móng, nhiệt thán, tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả, dịch tai xanh ở lợn, cúm gia cầm.

5. Hộ nông dân tham gia dự án chuyển đổi cơ cấu sản xuất được tập huấn kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông.

6. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm

Những huyện có hoạt động xúc tiến thương mại được hỗ trợ 200 triệu đồng/năm để thông tin thị trường cho nông dân; xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông, lâm, thủy sản của địa phương.

7. Mức hỗ trợ phát triển sản xuất bình quân 15 tỷ đồng/huyện/năm. Trường hợp nhu cầu cao hơn mức hỗ trợ này thì địa phương chủ động sử dụng ngân sách địa phương, thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn và huy động nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ở Trung ương:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định tại Quyết định này;

b) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc cho hộ nghèo vay vốn để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề theo quy định tại Quyết định này;

c) Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Quyết định này.

2. Ở địa phương:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh có huyện nghèo căn cứ vào nội dung của Quyết định này để quy định cụ thể một số mức hỗ trợ cho các đối tượng phù hợp với thực tế của địa phương và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Quyết định này.

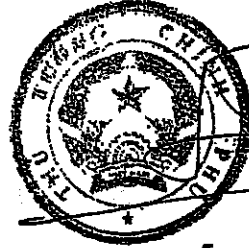
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định nêu tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ trái với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ trưởng, các Phó Thủ trưởng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, KGVX, VI, V.III, PL, TH;
- Lưu: VT, KTN (3b).KN/45

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

Số 28 /2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 9/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

Thực hiện văn bản số 1599/TTg – KTN ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiến nghị trong thực hiện cho vay theo Quyết định 2621/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 9/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 06/2009/TT-NHNN ngày 9/4/2009 quy định chi tiết về chính sách cho vay ưu đãi lãi suất theo Chương trình hỗ trợ các huyện nghèo tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2009/TT-NHNN) ngày 27/12/2008 của Chính phủ như sau:

“2. Ngoài các chính sách quy định tại Điều 2 của Thông tư này và Khoản 1 Điều này, hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được vay vốn ưu đãi tại

Ngân hàng Chính sách xã hội để mua giống gia súc, gia cầm, thủy sản hoặc phát triển ngành nghề như sau:

- a) Mức vay tối đa là 10 triệu đồng/hộ;
- b) Lãi suất vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo trong từng thời kỳ;
- c) Thời gian áp dụng lãi suất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là 3 năm kể từ thời điểm hộ nghèo bắt đầu nhận vốn vay."

Điều 2.

Thay đổi cụm từ "Vụ Tín dụng" thành cụm từ "Vụ Tín dụng các ngành kinh tế" tại các Điều 5, 6, 7 Thông tư số 06/2009/TT-NHNN.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các khoản vay theo Thông tư số 06/2009/TT-NHNN, phát sinh trước ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đang còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng. Việc vay vốn ưu đãi theo quy định tại Quyết định 2621/QĐ-TTg và Thông tư này được thực hiện sau khi hết thời hạn vay vốn và hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng trên.

2. Đối với các khoản vay đúng hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thông tư số 06/2009/TT-NHNN phát sinh từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Chính sách xã hội thống kê và thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP và Thông tư 06/2009/TT-NHNN.

3. Đối với các khoản vay theo Quyết định 2621/QĐ-TTg phát sinh từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện theo Quyết định 2621/QĐ-TTg.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02...tháng...10...năm 2014.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này. *ty*

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 4;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp & PTNT;
- Công báo;
- Website NHNN;
- Lưu VP, Vụ TDCNKT, Vụ PC.

